TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **292**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Chánh

-Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 596/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dịp Lỷ C**, sinh năm 1987.
- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Ngọc A**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: 70A/4/5B, KP.9, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bà A vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – ông Dịp Lỷ C trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp, bất

đồng về quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Trước đây vào năm 2016, ông đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân TP. B và đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông ngày càng trầm trọng hơn, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Dịp Phi L, sinh ngày 30/9/2011. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu L cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng vì từ trước đến nay cháu L vẫn ở với mẹ, ông tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc A:

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc A vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn ông Dịp Lỷ C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dịp Lỷ C và bà Huỳnh Thị Ngọc A tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên nên căn cứ các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà A khởi kiện vụ án xin ly hôn nên căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông C nhận thấy:

Ông C xin ly hôn bà A với lý do do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay không còn quan tâm lẫn nhau. Về phía bà A mặc dù đã được Tòa án nhân dân TP. B triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của ông C. Do bà A vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được động viên hòa giải nhiều lần nhưng ông C vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà A. Vào năm 2016, ông đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân TP. B và đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, cả hai không còn quan tâm đến nhau, không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông C và bà A đã trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông C.

[4] Về con chung: Ông C và bà A có 01 con chung là cháu Dịp Phi L, sinh ngày 30/9/2011. Xét thấy từ trước đến nay cháu L vẫn ở với mẹ ông C cũng đồng ý giao cháu Long cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Long cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời ghi nhận việc ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L 1.500.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông C trình bày thì về tài sản chung và nợ chung vợ chồng ông bà không có. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của bà A về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C; Về con chung: Đề nghị giao cháu Dịp Phi L, sinh ngày 30/9/2011 cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông C cấp dưỡng nuôi cháu L 1.500.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu; Về án phí: Ông C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Dịp Lỷ C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dịp Lỷ C được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc A.

2. Về con chung: Giao Dịp Phi L, sinh ngày 30/9/2011 cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L 1.500.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không thi hành án số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều

30 Luật thi hành án dân sự.

Ông C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 006412 ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông C phải nộp tiếp 300.000đ.

6. Ông C và bà A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đ;
-VKSND TP.B;
-THADS TP.B;
-Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Bùi Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Lan Hương